**Finding mistakes**

1. **Phương pháp tìm lỗi sai**

Dạng bài xác định lỗi sai trong đề thi là một dạng bài tương đối khó vì nó kiểm tra kiến thức toàn diện của các em học sinh. Có 2 dạng bài xác định lỗi: lỗi chính tả và lỗi ngữ pháp.

* 1. **Lỗi sai chính tả**

Người ra đề sẽ cho một từ viết sai chính tả (sai vì thừa hoặc thiếu chữ cái). Nhiệm vụ của các em là phải tìm ra lỗi sai đó thông qua kiến thức từ vựng đã học.

* 1. **Lỗi sai ngữ pháp**

Đây là dạng phổ biến nhất trong dạng bài xác định lỗi sai. Dưới đây là một số lỗi mà các đề thi thường yêu cầu các em tìm ra:

* 1. **Sai về sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ**

Quy tắc cơ bản là chủ ngữ số ít đi với động từ chia ở dạng số ít, chủ ngữ số nhiều đi với động từ chia ở dạng số nhiều. Ngoài ra còn có một số trường hợp khác mà các em cũng phải nắm vững.

Ví dụ: Xác định lỗi sai trong câu sau:

*I like (A) pupils (B) who works (C) very hard (D).*

**Who** ở đây là thay cho **pupils** vì vậy động từ trong mệnh đề quan hệ phải phù hợp với chủ ngữ tức ở dạng số nhiều. Do đó lỗi sai cần tìm là C.

* 1. **Sai về thì của động từ**

Nếu các em lưu ý đến trạng ngữ chỉ thời gian trong câu thì việc xác định thì của động từ sẽ vô cùng dễ dàng.

Ví dụ: Xác định lỗi sai trong câu sau

*We (A) only get (B) home (C) from France (D) yesterday.*

Do có trạng từ **yesterday** (hôm qua) nên động từ phải chia ở thì quá khứ - lỗi sai cần tìm là B.

* 1. **Sai đại từ quan hệ**

Các đại từ quan hệ **who**, **whose**, **whom**, **which**, **that**... đều có cách sử dụng khác nhau. Ví dụ **who** thay thế cho danh từ chỉ người đóng vai trò là chủ ngữ, **which** thay thế cho danh từ chỉ vật... Ví dụ: Xác định lỗi sai trong câu sau:

*He gave (A) orders to the manager (B) whose (C) passed them (D) on to the foreman.*

**Whose** là đại từ quan hệ đóng vai trò là tính từ sở hữu. Trong trường hợp này ta dùng một đại từ bổ nghĩa cho danh từ **manager**. Do đó, ta dùng who – lỗi sai cần tìm là C.

* 1. **Sai về bổ ngữ**

Các em phải chú ý khi nào thì dùng **to infinitive**, **bare infinitive** hoặc **V-ing**. Ví dụ: Xác định lỗi sai trong câu sau:

*I want to travel (A) because (B) I enjoy to meet (C) people and seeing new places (D).*

Ta có cấu trúc: **enjoy + V-ing** nên lỗi sai cần tìm là C.

* 1. **Sai về câu điều kiện**

Có 3 loại câu điều kiện với 3 cấu trúc và cách dùng khác nhau. Chỉ cần ghi nhớ và áp dụng đúng thì việc xác định lỗi sai sẽ không hề khó khăn.

Ví dụ: Xác định lỗi sai trong câu sau:

*What would (A) you do (B) if you will win (C) a million (D) pounds?*

Đây là câu điều kiện không có thực ở hiện tại nên động từ ở mệnh đề **if** chia ở quá khứ. (**To be** được chia là **were** cho tất cả các ngôi).

* 1. **Sai về giới từ**

Giới từ thường đi thành cụm cố định như **to be fond of**, **to be fed up with**, **to depend on**, **at least** Các em cần phải học thuộc lòng những cụm từ đó.

Ví dụ: Xác định lỗi sai trong câu sau:

*We're relying (A) with (B) you to find (C) a solution (D) to this problem.*

**To rely on sb:** tin cậy, trông đợi vào ai. Do đó, B là đáp án cần tìm.

* 1. **Sai hình thức so sánh**

Có 3 hình thức so sánh là so sánh bằng, so sánh hơn và so sánh nhất. Các em phải nắm vững cấu trúc của từng loại vì người ra đề thường cho sai hình thức so sánh của tính/ trạng từ hoặc cố tình làm lẫn giữa 3 loại so sánh với nhau.

Ví dụ: Xác định lỗi sai trong câu sau:

*The North (A) of England (B) is as industrial (C) than the South (D).*

Đây là câu so sánh hơn vì có **than** – **as industrial** phải được chuyển thành **more industrial**.

**10. So...that... và such...that...**

Ta có 2 cấu trúc câu sau:

**So + adj/ adv + that + clause**

**Such + (a/ an) + adj + n + that + clause**

Quan sát câu đã cho xem có mạo từ **a/ an** hay danh từ hay không để dùng **so** hoặc **such**. Ví dụ: Xác định lỗi sai trong câu sau:

*It seems (A) like so (B) a long way to drive (C) for just (D) one day.*

Có mạo từ **a** nên câu phải dùng cấu trúc s**uch...that...** B là đáp án cần tìm.

**11. Many và much**

Các em học sinh cũng hay nhầm lẫn giữa **many** và **much**. **Many** dùng trước danh từ đếm được số nhiều còn **much** dùng trước danh từ không đếm được.

**B. PRACTICE**

**Choose the letter A, B, C or D to indicate the underlined part that needs correcting in each of the following sentences.**

**Exercise 1:**

1. Mary was determined to leave (A) the office by (B) 4:30 for catching (C) the early train home (D).

2. I often look into(A) new words in (B) the dictionary whenever (C) I don’t know their (D) meanings.

3. Even(A) on the most careful (B) prepared trip (C), problems will sometimes (D) develop.

4.The existence(A) of many stars in the sky lead (B) us to suspect that there may be (C) life on another (D) planet.

5. It is believed(A) that in the near future (B) robots will be used to doing (C) things such as cooking (D).

6. My father used to give(A) me a good advice (B) whenever (C) I had a problem (D)

7. The teacher asked him why(A) hadn’t he done (B) his homework, but (C) he said nothing (D).

8. Although his family is(A) poor, but (B) he studies (C) very well (D)

9. The package(A) must be wrapped (B) carefully before (C) it is post (D)

10. I am(A) very interesting (B) in problems caused (C) by pollution (D).

**Exercise 2:**

1. Either(A) the doctor or the nurses takes (B) care of changing (C) the patients’ (D) bandages

2. They hardly never(A) go to the beach (B) because of (C) their thickness, do they (D)?

3. Most(A) bacteria has (B) strong cell walls much (C) like those (D) of the plants.

4. The(A) first nation park in (B) the world, calling (C) Yellowstone Park, was established (D) in 1872

5. My father used to giving (A) me some good (B) advice whenever (C) I had a problem (D)

6. All the(A) witnesses said that (B) John was blaming for the (C) accident (D)

7. The doctor advised him(A) to avoid eating (B) fatty foods, having (C) more fresh vegetables and drink much (D) water.

8. One of the most(A) popular holiday (B) in the U.S is (C) Thanksgiving, which is celebrated in (D) November

9. Food prices(A) have risen (B) too (C) rapidly that we have to change our eating habits (D)

10. Do you(A) think two hours are too (B) long to wait for (C) someone (D)?

**Exercise 3:**

1. My(A) mother still spends (B) 14 hours a day (C) do (D) the housework

2. She asked why (A) did Mathew look (B) so embarrassed (C) when he saw (D) Carole.

3. The girl whom about(A) we are talking (B) used to be (C) a Miss World (D).

4. Newtonian physics accounts(A) from (B) the observation (C) the orbits (D) of the planets and moons.

5. Today was such beautiful day(A) that I couldn’t bring myself (B) to complete (C) all my chores (D).

6. We were(A) advised (B) not drinking (C) the water in (D) the bottle

7. Not until (A) I was on my way(B) to the airport that I realized (C) I had left my passport at home (D).

8. If a person really wants(A) to succeed, they (B) must always work (C) hard (D)

9. The number of wild condors, an endangered species of(A) bird, have been (B) increasing steadily (C) because of (D) the work of scientists and environmentalists.

10. The(A) result of (B) that test must (C) be inform (D) before August

**Exercise 4:**

1. The(A) man whom (B) I want to meet him (C) was away on business (D)

2. Vietnam exports(A) a lot of rice is grown (B) mainly in the south (C) of the country (D)

3. I didn’t(A) feel like to go to (B) work (C) this morning because it was raining hard (D)

4. Each of the members(A) of the group were (B) made to write (C) a report every week (D)

5. Why don’t(A) you congratulate our son about (B) passing (C) his final (D) exam?

6. Neither of the girls(A) have (B) turned in the term papers to the (C) instructor yet (D)

7. The(A) little boy’s mother brought him (B) a five-speeds (C) racing bicycle for (D) his birthday

8. Either (A) Mr. Anderson or (B) Ms. Wiggins are (C) going to teach our class today (D)

9. My parents(A) often take careful (B) of me when (C) I am ill (D)

10. Have you(A) ever read (B) any (C) novels writing (D) by Jack London?

**Exercise 5:**

1. No one would have attended(A) the lecture if you told (B) the truth about (C) the guest speaker (D)

2. Because(A) his sickness (B), he didn’t take (C) part in the English competition (D)

3. The tongue is the principal(A) organ of taste (B), and is (C) crucial for chewing, swallowed (D), and speaking

4. Student suppose(A) to read all the questions (B) carefully and find out (C) the answers to them (D)

5. There are(A) probably around (B) 3,000 languages speaking (C) in the world (D)